TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

PHẬT GIÁO VIỆT NAM VỚI VAI TRÒ DẪN DẮT TINH THẦN XÃ HỘI TRONG LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI

NGUYỄN TẤT ĐẠT(*)

1. Vai trò của Phật giáo Việt Nam trong lịch sử dân tộc

Phật giáo Việt Nam có vai trò quan trọng trong nhiều giai đoạn lịch sử, từng là bệ đỡ tư tưởng cho nhiều triều đại phong kiến, dẫn dắt tinh thần cho cư dân Việt Nam.

Trong các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, vai trò của Phật giáo rất quan trọng. Giới Tăng sĩ Phật giáo không tổ chức thành lực lượng để ủng hộ triều đình nhưng có hai nhân tố ảnh hưởng tích cực đến vương triều. Đó là những tăng sĩ có học vấn cao, hiểu biết thế sự, có uy tín rộng rãi trong xã hội, có khả năng xử lí các vấn đề quốc gia đại sự giúp nhà vua và các tướng lĩnh vốn xuất thân từ võ binh. Nhân tố thứ hai là ảnh hưởng của đạo Phật trong tầng lớp dân cư, bởi vì đạo Phật vào Việt Nam đến giai đoạn này khoảng một nghìn năm nên đã ăn sâu, bám rễ trong dân chúng. Cư dân Việt thấm được tư tưởng cứu khổ cứu nạn của Phật giáo, họ trông mong và hi vọng về quyền năng của Phật trong những lúc khốn khó của cuộc đời. Hầu như các câu chuyện kể trong dân gian khi nội dung câu chuyện đến hồi bế tắc nhất, khi cái thiện bị cái ác vùi dập là xuất hiện "Ông Bụt" tức Phật để hóa giải những đau khổ cho chúng sinh. Vì thế, khi vương triều được các tăng sĩ Phật giáo ủng hộ thì trong dân chúng đều quy ngưỡng về Phật và ủng hộ triều đình.

Do vị trí địa lí nằm liền kề một nước láng giềng lớn luôn có tham vọng mở rộng lãnh thổ, cho nên trong suốt thời kì lập quốc, Việt Nam liên tục phải chống trả các cuộc xâm lăng. Có những giai đoạn Bắc thuộc từ năm 208 trước Công nguyên khi Triệu Đà đánh thắng nước Âu Lạc của An Dương Vương cho đến năm 938 khi Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán, thiết lập quyền tự chủ. Để giữ vững nền độc lập, các triều đình phong kiến Việt Nam đã thi hành nhiều chính sách quân sự, kinh tế, chính trị, trong đó có đường lối đối ngoại. Thời kì Đinh - Tiền Lê, Phật giáo đã có đóng góp dẫn dắt quan trọng trong bang giao với Bắc triều. Nếu thi hành đường lối cứng rắn cương cường thì đất nước dễ rơi vào cảnh nước lửa binh đao, đặt đất nước trong hiểm họa trứng chọi với đá. Nếu thi hành đường lối nhu thuận hòa mục thì rơi vào lệ thuộc cúi đầu để dâng đất đai của tổ tiên cho ngoại bang chưa bao giờ thấy thỏa mãn lòng tham. Đứng

*. TS., Học viện Hành chính, Hà Nội.

trước mâu thuẫn đó, Phật giáo đã đưa ra đường lối đối ngoại cho người Việt: Đường lối ngoại giao trí tuệ, nhân văn, chính nghĩa, bản lĩnh nhưng uyển chuyển nghệ thuật, chứ không ngoại giao pháo hạm. Ngoại giao của người biết người biết ta, sức mạnh của Việt Nam là ở ngay trong mỗi con người hiền lành, một cậu bé làng quê thành dũng sĩ - Thánh Gióng, một người chèo đò cũng là bậc trí thức ngang hàng một vị sứ giả đại thần. Theo *Đại Việt sử kí toàn thư*: "Năm 987, Nhà Tống sai Lý Giác sang Đại Việt. Khi đến Chùa Sách, vua sai Pháp Thuận ra đón. Lý Giác tính thích nói chuyện thơ văn. Lúc ấy có hai con ngỗng bơi trên mặt nước, Giác ngâm đùa rằng:

"Nga nga lưỡng nga nga

Ngưỡng diện hướng thiên nha

(*Ngỗng ngỗng hai con ngỗng*

Ngửa mặt nhìn chân trời)

Pháp Thuận đang cầm chèo, theo vần làm nối đưa cho Lý Giác xem:

Bạch mao phô thủy lục

Hồng chạo bãi thanh ba

(*Nước lục phô lông trắng*

Chèo hồng sóng xanh bơi)[1]

Trong phần đối đáp trên đã tỏ rõ thế ngoại giao Việt Nam: *Hiểu người hiểu mình*. Lý Giác đã từng sang sứ Đại Việt năm 986. Lý Giác là người thích thơ văn, học rộng, là Quốc Tử Giám Bác sĩ, đã từng đối thoại trực tiếp với vua Đại Việt, khẩu khí nhanh nhạy, ứng biến rộng rãi rất có khí độ. *Đại Việt sử kí toàn thư* ghi: "Vua (Lê Hoàn) nhận chế rất kính, lễ tiết rất hậu, hằng ngày đem những thứ châu báu kì dị bày chật cả sân để khoe là giàu có; Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân bắt được ngày trước đều đem trả lại. Lại bảo Nhược Chuyết và Lý Giác rằng: Nước tôi bé nhỏ, sông núi xa xôi, nghìn dặm cách trở, ở lánh góc đất, sứ thần đi lại, lặn lội núi sông, há chẳng khó nhọc lắm ư? Giác trả lời: Bản triều cõi bờ hàng muôn dặm, các quận đến bốn trăm, đất có chỗ bằng phẳng, cũng có chỗ hiểm trở, một phương này đã lấy gì làm xa"[2]. Tại sao nhà vua chọn ngài Pháp Thuận tiếp Lý Giác chứ không phải ai khác? Ta hãy xem Pháp Thuận trong *Thiền Uyển tập anh*: "Thiền sư họ Đỗ, không rõ quê quán, là người học rộng, có tài phò vua, hiểu rõ thế cuộc đương thời"[3]. Như thế, một Lý Giác giỏi thơ văn giàu chữ nghĩa, ứng đối nhanh nhạy luôn có tư thế bề trên, vì vậy phải có một Pháp Thuận học rộng, nắm vững văn hóa Trung Hoa đủ sức biện bác ứng đối mới khiến cho Lý Giác nể phục. Bài thơ trên theo Nguyễn Phạm Hùng "… không phải những câu thơ của Lý Giác hay của Pháp Thuận, mà là Lý Giác dựa vào thơ cổ của Trung Hoa để ngâm vịnh, để tức cảnh trước hiện thực mà nảy tình. Và điều bất ngờ là ở chỗ, một người lái đò bình thường của đất Việt lại có thể dựa vào chính bài thơ cổ của Trung Hoa để tức cảnh đối lại làm cho viên sứ giả vốn học rộng biết nhiều phải kinh ngạc thán phục". Như vậy, một bậc đại trí thức Trung Hoa đại diện cho Thiên triều về sức học và trí tuệ cũng chỉ bằng một người giang lệnh. Nếu một đất nước mà người dân có trí tuệ như thế thì đó là sức mạnh vô định khó lòng chinh phục. Chính Lý Giác đã có thơ tặng Pháp Thuận trong đó có hai câu kết: "Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiếu; Khuê đàm

1. *Đại Việt sử kí toàn thư*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2006, tr. 215.
2. *Đại Việt sử kí toàn thư*, Sđd, tr. 214.
3. *Thiền Uyển tập anh*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1990, tr. 180.

ba tĩnh kiến thiềm thu" (Ngoài trời lại có trời soi nữa; Sóng lặng khe đầm bóng nguyệt soi). Bài thơ này được Khuông Việt Đại sư tâu lên vua Lê rằng, ý của nó tôn trọng vua ta không khác gì vua Tống. Sau này chính vua Càn Long nhà Thanh đã phải công nhận người Việt am hiểu và ứng dụng Kinh dịch (một cuốn kinh nổi tiếng trong ngũ kinh) còn giỏi hơn Trung Quốc: "Hoa ngoài tường thơm hơn hoa trong tường". Về sự kiện ngoại giao của Pháp Thuận, Sử gia Phan Huy Chú bình rằng: "Khúc hát hay cũng đủ khoe nhân tài, mà quốc thể được thêm tôn trọng, làm cho người Bắc phải khuất phục". Sau này, chúng ta đã tiếp biến nghệ thuật ngoại giao đó và ghi những mốc son như Giang Văn Minh, Mạc Đĩnh Chi.

Còn nhớ khi bình thường hóa quan hệ với Việt Nam, xóa bỏ lệnh cấm vận, Tổng thống Mỹ Bill Clinton sang thăm Việt Nam đã ứng hai câu thơ trong truyện Kiều: "Sen tàn Cúc lại nở hoa; Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân" ý muốn nói đến một quan hệ mới, mở ra cho hai quốc gia vừa là quy luật tự nhiên vừa hi vọng cho mối quan hệ sẽ phát triển nảy lộc mùa xuân đi tới thịnh vượng.

Một vai trò khác của Phật giáo trong vai trò dẫn dắt tinh thần cho thế sự Việt Nam trong lịch sử là Phật giáo luôn ủng hộ vương triều chân chính, phò chính chứ không phò tà, không bị quan niệm ngu trung chi phối. Đinh Bộ Lĩnh dẹp 12 sứ quân chấm dứt loạn lạc cát cứ thì các danh tăng đều hướng về nhà Đinh phò vua giúp nước. Khi đất nước lâm nguy, nội thương ngoại chiến, Nguyễn Bặc, Đinh Điền ủng hộ Đinh Toàn nên khởi quân đánh Lê Hoàn: "Vua lên nối ngôi mới 6 tuổi, Lê Hoàn nhiếp chính làm như Chu Công nhiếp chính ngày xưa, tự xưng là Phó vương. Bọn Định Quốc Công Nguyễn Bặc, Ngoại giáp Đinh Điền và Phạm Hạp ngờ Hoàn sẽ không có lợi cho vua nhỏ, mới cùng nhau cất quân chia làm hai đường thủy lục muốn đến kinh sư giết Hoàn"[4]. Đứng trước nguy cơ đó, Phật giáo đã ủng hộ Lê Hoàn vì biết rằng chỉ có nhân vật này mới gánh được trọng trách quốc gia đủ sức để dẹp loạn bên trong, phá tan giặc dữ bên ngoài đem lại thái bình cho đất nước. Khi Lê Long Đĩnh theo nguyên tắc thế tập lên ngôi nhưng chính trị suy đồi, lòng dân tán loạn, Phật giáo đã không ngần ngại mở đường dư luận để đưa một nhân vật đủ trí dũng song toàn lên ngôi cửu ngũ cho dù đó là người ngoài dòng tộc nhà Lê, người đó chính là Lý Công Uẩn. Việc một viên quan họ Lý lên ngôi hoàng đế thay dòng họ nhà vua trong một xã hội theo nguyên tắc tập quyền mà không đổ máu phải là một quá trình diễn biến của một kịch bản chính trị đầy nghệ thuật. Kịch bản đó thành công, các sử sách đều ghi nhận công lao đóng góp của Phật giáo mà những danh tăng tiêu biểu là Vạn Hạnh, Đa Bảo, dòng Thiền Tì Ni Đa Lưu Chi: "Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, những lời thơ phù sấm nói trên đều là tác phẩm của Vạn Hạnh. Đọc các tư liệu chúng ta cũng có thể thấy rằng, cuộc chính biến đã được lên kế hoạch từ trước khi Lê Long Đĩnh mất. Quân sự là lợi khí để thực hiện thống nhất, Phật giáo là yếu tố thống nhất, dẫn dắt về mặt tinh thần"[5]. Trong trang sử của ba vương triều (Đinh - Tiền Lê - Lý), phải nói rằng

4. *Đại Việt sử kí toàn thư*, Sđd, tr. 201.

5. Võ Phương Lan. *Phật giáo và cuộc chuyển giao quyền lực tiền Lê - Lý đầu thế kỉ XI*, trích trong sách *Phật giáo thời Đinh và Tiền Lê trong công cuộc dựng nước và giữ nước*, Nxb. Khoa học xã hội, 2010, tr. 116.

giới trí thức Phật giáo đương thời đã giúp cho người dân Việt ủng hộ được những vị vua sáng suốt xây dựng nền độc lập cho nước nhà.

Một vai trò dẫn dắt chính trị tinh thần cho vương triều nước Việt thời đó là các danh sư đề xuất một nền chính trị tiến bộ. Đường lối đó thể hiện trong bài "Quốc tộ" của Pháp Thuận khi trả lời vua Lê Hoàn hỏi về đường lối trị quốc:

Quốc tộ như đẳng tạc
Nam thiên lí thái bình
Vô vi cư điện các
Xứ xứ tức đao binh
(*Vận nước như mây cuốn*
Trời Nam mở thái bình
Vô vi trên điện các
Chốn chốn tắt đao binh)[6]

Pháp Thuận khuyên nhà vua khi thi hành chính sự phải có tầm nhìn chiến lược biết được tình hình của đất nước: Vận nước như mây cuốn, xu thế của quốc gia, dự báo thời vận của đất nước "Trời Nam mở thái bình". Nhưng nhận biết được khả năng xu hướng thời vận của quốc gia thì phải thi hành nền chính trị đúng đắn: "Vô vi trên điện các". Chữ "vô", "vi" do có nhiều nghĩa nên các học giả có nhiều cách hiểu khác nhau. Dựa trên cuốn *Hán Việt tự điển* của Thiều Chửu, chữ "Vi" là làm, là cai trị, là lẫm lỗi, trái lẽ, chữ vi còn có nghĩa là giăng lưới, thủ đoạn, đặt cạm bẫy, chữ "Vô" là không, là chớ làm, vì vậy chúng tôi cho rằng Pháp Thuận muốn khuyên vua Lê Đại Hành xây dựng nền chính trị, hãy thiết kế cấu trúc thượng tầng (điện các) đúng đắn mẫu mực, đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên lợi ích nhóm phái, dòng họ, thi hành đường lối chính trị mực thước, minh bạch, dùng quyền lực và thực thi quyền lực một cách sáng suốt chính đáng chứ không dùng quyền mưu, xảo thuật, không dùng pháp, thế, thuật, thủ đoạn. Nếu được như thế đất nước sẽ thái bình thịnh trị "chốn chốn tắt đao binh". Đường lối chính trị đó là do Pháp Thuận đã tổng kết thực tiễn cuộc chém giết, mưu chiếm quyền lực của Dương Tam Kha (em vợ Ngô Quyền) với các con của Ngô Vương, sau này là cuộc huynh đệ tương tàn của các con vua Đinh Tiên Hoàng. Theo Pháp Thuận muốn đất nước hưng thịnh, trong ấm ngoài êm thì nền chính trị phải "Vô vi" tức là đường lối cai trị không mê lầm, giáo điều, không suy đồi, nhũng nhiễu, bạc nhược, không dùng thủ đoạn mưu mẹo hãm hại, không biến việc triều chính thành việc nhà, việc họ, việc nhóm phái. Pháp Thuận muốn đề cao vai trò của chính trị tinh thần, vai trò của chính quyền trong việc xây dựng bảo vệ đất nước. Pháp Thuận cũng khẳng định vai trò của người đứng đầu đối với quốc gia, người đứng đầu (cư trên điện các) cần phải vô vi, đừng để tư lợi cá nhân, dòng họ nhóm phái vào việc nước hãy sáng suốt công tâm thì dân chúng sẽ quy về một mối "chốn chốn tắt đao binh".

Phật giáo Việt Nam còn dẫn dắt, hướng chiếu lối sống của người Việt. Trong văn học dân gian người Việt thường đề cao đạo hiếu, hướng tới cái thiện, đối với họ cái thiện và cái ác thường song hành. Cái thiện lúc sơ khởi thường bị cái cái vùi dập, cái ác thường mạnh hơn, thắng thế hơn, dồn cái thiện đến cùng cực, cái thiện tưởng như bế tắc thì bỗng nhiên một sự trợ giúp kì lạ của lực lượng thiện ẩn tàng trong cõi Phật

6. *Thiền Uyển tập anh*, Sđd, tr. 181.

trợ duyên giúp sức mà cái thiện hồi sinh thắng được cái ác. Chính lối sống đó là một trong những nguyên nhân làm chỉ số hạnh phúc, chỉ số hi vọng về tương lai của người Việt có phần cao hơn các nước khác trong khi đời hiện sinh của người Việt đang gặp rất nhiều khốn khó (theo đánh giá của quốc tế thực hiện trong năm 2012, chỉ số hạnh phúc của người Việt có thứ hạng rất cao so với các nước trên thế giới).

2. Phật giáo Việt Nam đương đại

Trong thời kì phong kiến nhà Nguyễn và thời thuộc Pháp, vai trò của Phật giáo đã suy giảm đi nhiều. Đến khoảng nửa đầu thế kỉ XX, Phật giáo Việt Nam xuất hiện phong trào chấn hưng cả về giáo lí, lực lượng và cách thức tổ chức. Kết quả là xuất hiện những bậc danh tăng mới (Hoà thượng Lê Khánh Hòa, Huệ Quang, Giác Tiên, Thanh Hanh, Thích Trí Hải, Tố Liên...), các cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, Thiều Chửu Nguyễn Hữu Kha và Phật giáo cũng trở thành một lực lượng đáng kể trong diễn trình xã hội Việt Nam. Ví dụ: thập niên 1960, Miền Bắc có Hòa thượng Thích Trí Độ, Miền Nam có Hòa thượng Thích Quảng Đức...

Trong thời kì đổi mới của đất nước, Phật giáo có vai trò trong việc cân bằng đời sống tinh thần trong nền kinh tế thị trường. Trong xã hội kinh tế thị trường, tất cả lực lượng lao động đều bị cuốn hút vào các giá trị kinh tế, tất cả xã hội quay quanh trục thị trường và bị chi phối bởi cạnh tranh, lợi nhuận, được mất, giàu nghèo, phá sản, sạt nghiệp và phất lên nhanh chóng, mọi sự đều loạn động, giá trị tinh thần đạo đức bị chao đảo. Trong tình thế đó, Phật giáo đã giúp cho cư dân, một chỗ dựa bình an về tinh thần và một sự tĩnh tại của tâm hồn, niềm tin vào sự phù hộ trợ giúp may mắn từ các vị Bồ tát. Chính vì lẽ đó mà số người đi chùa cúng lễ, cầu may ngày càng đông đảo. Trong xã hội kim tiền, khi các giá trị vật chất, danh vọng được đưa lên quá mức: "tiền là Tiên là Phật, là sức bật của tuổi trẻ, là sức khỏe của tuổi già, là cái đà tiến thân, là cán cân công lí..." thì các giá trị mà Phật giáo đề cao lại có vai trò dẫn dắt cân bằng lại các giá trị đạo đức tinh thần. Phật giáo đề cao cái tâm thanh thản, Phật giáo đề cao chữ hiếu nhất là dịp lễ Vu lan Báo hiếu (15/7 âm lịch hằng năm). Trong xã hội, trong gia đình kể cả doanh nghiệp hay trong công sở người ta thường treo các lời răn dạy của Đức Phật cũng chính là nhắc nhở mọi người hãy chú ý đến các giá trị đạo đức, đến lối sống đúng với đạo lí làm người mà những giá trị đó đang bị các vật chất che khuất.

Tuy nhiên khi đất nước bước vào xây dựng công nghiệp hóa hiện đại hóa, đưa lực lượng sản xuất chủ yếu là nông nghiệp với công cụ lao động thủ công còn phổ biến sang lực lượng sản xuất công nghiệp với công cụ chủ yếu là máy móc và công nghệ mới, đưa xã hội nông nghiệp nông thôn lạc hậu sang một xã hội hiện đại, văn minh, thì vai trò dẫn dắt tinh thần cho xã hội của Phật giáo được thể hiện ở chỗ nào? Phải chăng ngọn đuốc của Như Lai đã lỗi thời. Theo chúng tôi, lưỡi gươm mà Đức Phật đã dùng để diệt khổ vẫn còn nguyên giá trị, từ bi trí tuệ sẽ mãi là ánh sáng cho nhân loại đi vào tương lai. Nhưng có điểm đáng bàn là các vị trưởng tử của Như Lai hôm nay có công phu tu tập để trở thành những bậc anh tú trong vườn thiền, đem tài năng hiến kế xây dựng đất nước hay không? Nếu về số lượng chùa chiền, sư sãi hẳn đã đông hơn trước rất nhiều, nhưng xuất hiện danh tăng hiến kế giúp

nước trong tình hình hiện nay thì ít thấy: "Việt Nam đã có rất nhiều kinh nghiệm chống giặc ngoại xâm. Nhìn lại những kinh nghiệm đó, Phật giáo Việt Nam hẳn đã đúc kết được những bài học quý giá. Nếu có một đe dọa trong tương lai, Phật giáo sẽ có kế sách gì hay để giúp Nhà nước? Nên hòa hay nên chiến?"[7]. Hay trong lúc nền giáo dục quốc dân đang cần cải cách, có danh tăng nào dâng kế để biến chuyển nền giáo dục nước nhà trong khi "Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí là nghiêm trọng"[8] thì Phật giáo có đóng góp gì để giải quyết nguy cơ đó? Chắc sẽ có nhiều lập luận cho rằng, đó là quốc sự không phải Phật sự, quốc sự thì đã có các cơ quan theo chức năng thẩm quyền giải quyết. Lập luận này liệu có đúng với tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam hay không? Cũng có quan điểm cho rằng Phật giáo có những khuyến nghị giải pháp nhưng cơ quan chức năng cho là chưa phù hợp, vì vậy Phật giáo cần mũ ni che tai dồn sức vào Phật sự, điều đó có đúng không nếu như người dân Việt Nam cần cứu khổ cứu nạn? Theo chúng tôi, Phật giáo đang thiếu vắng những thần Tăng phương trượng có đủ minh triết, hay Phật giáo đang thiếu một long tượng đủ đức kim cương tỏa sáng để Phật tử và chúng dân quy ngưỡng như một chỗ dựa tinh thần cho sự nghiệp kiến thiết quốc gia. Sự trống vắng đó liệu có thể không liên quan gì đến bộ máy tổ chức Giáo hội vốn sinh ra để lãnh đạo Tăng Ni, Phật tử. Giáo hội đã làm được một số lượng công việc rất lớn, đã theo Phật lí "khế lí, khế cơ mà vun đầy một rừng thiền, tre già đã có rừng măng". Nên chăng một Giáo hội thiết giản mà thanh khiết, một Giáo hội trang nghiêm, thiết thế uy nghi mà không cần quyền lực, quyền lợi, chỉ cần thần tuệ và từ bi. Một Giáo hội với đội ngũ Tăng Ni, gạt bỏ lòng tục, duy tuệ thị nghiệp, gạt bỏ dây dợ phẩm cấp, tước lợi thì cần gì phải họp hành, chỉ thị bận rộn như cơ quan hành chính. Một nền Phật giáo như vậy xứng đáng là người dẫn dắt tinh thần cho xã hội, tuy không phải là một lực lượng hữu hình nhưng lại là sức mạnh vô hình phù độ chúng sinh. Phật giáo Việt Nam hãy thể hiện cho Phật tử biết rằng, quyền lực lớn vẫn không đem lại cho con người hạnh phúc, tiền bạc nhiều cũng không giúp chúng sinh hạnh phúc, nhưng hạnh phúc cũng không phải trong sự nghèo nàn, bần cùng của chúng sinh mà ở con đường trung đạo mà Phật đã tìm ra ở sự kết hợp sức mạnh ý thức và vô thức, ở sự giải phóng về tinh thần trong cuộc đời đầy đủ, đẹp đẽ.

Nhìn lại quá khứ soi tỏ hiện tại, đổi mới tương lai là những điều người dân Việt những mong một nền Phật giáo Việt Nam thời đại mới. Sống trong bùn lầy, không thể tránh khỏi sự ô nhiễm môi trường như dòng sông Thị Vải. Cua cá có thể không sống được, hoa quả cũng có thể biến thái, nhưng hương sen vẫn quyện hồn dân tộc trên con đường trung đạo, đó hẳn là mùa xuân phía trước của Việt Nam./.

---

7. Lê Mạnh Thát (chủ biên), *Phật giáo thời đại mới cơ hội và thách thức*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2005, tr. 299.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 185.